

KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH SỬ DỤNG THUỐC KHÁNG SINH CỦA SINH VIÊN HỆ BÁC SỸ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2019

Nguyễn Thị Hoài Thu ✉, Đào Anh Sơn, Dương Trung Đức,
Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Tuấn Tài,

Viện Đào tạo YHDP&YTCC, Trường Đại học Y Hà Nội

Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 287 sinh viên hệ bác sĩ nhằm mô tả kiến thức, thái độ và thực hành sử dụng kháng sinh của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội năm 2019. Kết quả cho thấy, tỉ lệ sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội tự mua và sử dụng kháng sinh không có đơn bác sĩ khá cao (trên 30%). Tỉ lệ SV có kiến thức đúng về sử dụng kháng sinh là 71,4% và thực hành tốt là 67,6%. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy: sinh viên từ năm ba trở lên; sinh viên có học lực năm gần nhất khá và giỏi có kiến thức sử dụng kháng sinh tốt hơn. Sinh viên các khoá trên và ở kí túc xá có xu hướng tự kê đơn kháng sinh. Cần có chương trình tập huấn cho sinh viên về sử dụng thuốc kháng sinh an toàn hợp lý, góp phần giảm tỉ lệ kháng thuốc trong cộng đồng.

Từ khóa: kiến thức, tự kê đơn, kháng sinh, sinh viên y khoa.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kháng kháng sinh (Antibiotic Resistance) đang là vấn đề đáng báo động trên khắp thế giới. Trên thực tế, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã liệt kê kháng kháng sinh là một trong ba mối đe dọa sức khỏe cộng đồng quan trọng nhất của thế kỷ 21; tình trạng kháng kháng sinh được ước tính sẽ gây ra khoảng 300 triệu ca tử vong vào năm 2050, với thiệt hại lên tới 100 nghìn tỷ đô la cho nền kinh tế toàn cầu.¹ Một trong những lí do được WHO cảnh báo dẫn đến tình trạng kháng kháng sinh là do việc tự kê đơn thuốc trong cộng đồng.² Tại Việt Nam, Năm 2000 - 2001, Việt Nam có tỉ lệ kháng penicillin cao nhất trong 11 nước khu vực Châu Á (71,4%) và Erythromycin (92,1%); hơn nữa, 75% phế cầu khuẩn kháng với ít nhất 3 loại kháng sinh trở lên.³ Theo báo cáo GARP năm 2010, 78% kháng sinh được mua tại các nhà

thuốc tư nhân mà không có đơn.⁴ Tình trạng tự kê đơn kháng sinh trong giới trẻ ngày càng phổ biến, đặc biệt trong giới sinh viên Y dược vì các em có khả năng tiếp cận thuốc kháng sinh dễ dàng hơn. Một số nghiên cứu trên thế giới thực hiện ở nhân viên y tế và sinh viên Y cho thấy tỉ lệ tự kê đơn và mua thuốc kháng sinh cho bản thân rất cao, dao động từ 40 – 95%; với rất nhiều lí do và nguồn mua thuốc khác nhau, từ các bác sĩ, người có chuyên môn.⁵⁻⁹ Sinh viên y là đội ngũ nhân lực y tế trong tương lai sẽ tham gia khám chữa bệnh, kê đơn, tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh đòi hỏi họ cần có kiến thức đúng về sử dụng thuốc nói chung và sử dụng kháng sinh nói riêng. Chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu: 1) Mô tả kiến thức và thực hành về sử dụng thuốc kháng sinh của sinh viên y hệ bác sĩ Trường Đại học Y Hà Nội năm 2019; 2) Phân tích một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành về sử dụng thuốc kháng sinh của sinh viên hệ bác sĩ Trường Đại học Y Hà Nội năm 2019.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hoài Thu,

Viện ĐT YHDP & YTCC, Trường Đại học Y Hà Nội

Email: nguyenhoaithu@hmu.edu.vn

Ngày nhận: 07/02/2020

Ngày được chấp nhận: 13/03/2020

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Sinh viên hệ bác sỹ Trường Đại học Y Hà Nội, hiện đang học tập tại trường, các khóa Y2 đến Y5.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: từ 8/2019 đến tháng 01/2020

Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y Hà Nội.

2. Thiết kế nghiên cứu:

Nghiên cứu mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu và cách chọn mẫu

Cỡ mẫu

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho 1 tỷ lệ trong cộng đồng

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{(\epsilon p)^2}$$

Trong đó:

$Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ (với độ tin cậy 95%)

$\epsilon = 0,2$ (sai số mong đợi tương đối)

$p = 0,28$ (tỷ lệ sinh viên tự sử dụng kháng sinh qua thực hiện phỏng vấn thử trên 50 sinh viên)

Thay vào công thức ta có $n = 246$. Dự kiến thêm 10% trong trường hợp phiếu không đạt yêu cầu, ta được cỡ mẫu $n = 271$ sinh viên. Thực tế nghiên cứu được 287 sinh viên.

Cách chọn mẫu: thuận tiện.

Theo dõi lịch học của các lớp sinh viên, chọn ngẫu nhiên lớp sinh viên có lịch học trong ngày. Thực hiện phỏng vấn toàn bộ sinh viên của lớp được chọn. Phỏng vấn thực hiện đến khi đủ cỡ mẫu thì dừng lại.

Bộ công cụ sử dụng trong nghiên cứu

Nghiên cứu của chúng tôi dựa trên bộ công cụ thực hiện đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành về sử dụng thuốc kháng sinh trong cộng đồng từ các nghiên cứu trước đó.¹⁰ Sau khi phỏng vấn thử trên 50 sinh viên, tổng hợp ý

kiến đóng góp và đã chỉnh sửa lại để phù hợp với đặc điểm sinh viên hệ bác sỹ của Trường Đại học Y Hà Nội.

Các biến số chính trong nghiên cứu

Kiến thức về sử dụng kháng sinh gồm 10 câu bao gồm: tác dụng của thuốc kháng sinh, sử dụng thuốc theo đơn bác sỹ, hậu quả của việc lạm dụng kháng sinh. Thực hành sử dụng thuốc kháng sinh gồm có ba câu bao gồm: tự mua thuốc kháng sinh khi ốm, tự ý thay đổi liều hoặc thuốc, lý do sử dụng kháng sinh không theo đơn. Cơ sở đánh giá kiến thức và thực hành sử dụng thuốc được tham khảo từ nghiên cứu của Phạm Quỳnh Anh, cụ thể là: trả lời đúng từ 7 câu hỏi kiến thức trở lên được đánh giá kiến thức tốt, tuân thủ đi khám bác sỹ và mua thuốc theo đơn được đánh giá thực hành tốt. Tỷ lệ sinh viên có kiến thức và thực hành sử dụng thuốc kháng sinh tốt và chưa tốt được coi là biến phụ thuộc, sau đó được phân tích để tìm hiểu các yếu tố liên quan như tuổi, giới, năm học, ngành học, nơi ở hiện tại.

Quy trình thu thập số liệu

Nhóm nghiên cứu viên tham gia thu thập số liệu bao gồm cựu sinh viên và sinh viên hệ bác sỹ y học dự phòng năm thứ năm của Trường Đại học Y Hà Nội. Tại các lớp học trên giảng đường, nghiên cứu viên tiếp cận với sinh viên hệ bác sỹ của các lớp trong danh sách được chọn. Sinh viên được giải thích mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu.

3. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được làm sạch và mã hóa, nhập vào máy tính bằng phần mềm Epidata 3.1 và được xử lý bằng phần mềm SPSS 19.0. Thống kê mô tả được thực hiện và trình bày bằng tần số và tỷ lệ phần trăm đối với các biến định tính. Thống kê phân tích được thực hiện để tìm mối liên quan, được xác định bằng tỷ số chênh OR và khoảng tin cậy 95%.

4. Đạo đức nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu được giải thích rõ mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu và có quyền từ chối tham gia hoặc dừng phỏng vấn khi cần thiết. Các thông tin thu thập từ nghiên cứu được giữ bí mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

Bảng 1 cho thấy tỉ lệ nữ sinh trong nghiên cứu là 62,7%. Tỉ lệ sinh viên tương đối đồng đều giữa các năm (từ năm 2 đến năm 5) và giữa các ngành bác sĩ (Bác sĩ Đa khoa/ Răng hàm mặt và Bác sĩ Y học dự phòng). Hơn một nửa số sinh viên tham gia nghiên cứu hiện đang ở trọ, số còn lại ở cùng gia đình hoặc kí túc xá.

Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng (n = 287)

Đặc điểm	Tần số (%)	Đặc điểm	Tần số (%)
<i>Giới tính</i>		<i>Năm học</i>	
Nam	107 (37,2%)	Năm thứ hai	82 (28,5%)
Nữ	180 (62,7%)	Năm thứ ba	85 (29,6%)
<i>Học lực năm học trước</i>		Năm thứ tư	61 (21,2%)
Trung bình	85 (29,6%)	Năm thứ năm	59 (20,5%)
Khá	173 (60,2%)		
Giỏi	29 (10,1%)	<i>Nơi ở hiện tại</i>	
<i>Ngành học</i>		Cùng gia đình	82 (28,5%)
Bác sĩ Đa khoa/Răng hàm mặt	149 (51,9%)	Ở trọ	145 (50,5%)
		Ở kí túc xá	60 (20,9%)
Bác sĩ Y học dự phòng	138 (48%)		

Bảng 2 mô tả có 205 (71,4%) sinh viên có kiến thức về sử dụng thuốc kháng sinh đạt tốt. Đa số sinh viên biết cần dùng thuốc hết đơn và theo chỉ định của bác sĩ (87,8%). Hơn 90% sinh viên biết đến kháng kháng sinh và việc lạm dụng thuốc kháng sinh thì càng có khả năng không còn thuốc để điều trị. Hầu hết sinh viên biết tác dụng kháng vi khuẩn của thuốc (91,9%), một số vẫn nhầm lẫn với virus và nấm.

Bảng 2. Kiến thức của sinh viên về thuốc kháng sinh (n = 287)

Kiến thức	Số sinh viên	Tỉ lệ (%)
Kháng sinh có thể điều trị nhiễm vi khuẩn	264	91,9
Kháng sinh không điều trị nhiễm virus	214	74,5
Kháng sinh không điều trị nhiễm nấm	158	55,0
Cần sử dụng hết đơn và theo chỉ định của bác sĩ	252	87,8
Tăng liều không giúp khỏi nhanh hơn	243	84,6
Giảm liều không tránh được các tác dụng phụ	200	69,7

Kháng sinh có thể tiêu diệt vi khuẩn có lợi	215	74,9
Vi khuẩn đang trở nên kháng kháng sinh	275	95,8
Việc sử dụng thuốc kháng sinh không cần thiết có thể khiến thuốc không có tác dụng	243	84,6
Lạm dụng nhiều thuốc kháng sinh thì càng có nhiều khả năng không còn thuốc để điều trị nữa	262	91,2
Kiến thức tốt	205	71,4

Bảng 3 thể hiện nghiên cứu đánh giá thực hành tự sử dụng thuốc kháng sinh tốt cho sinh viên qua 3 hoạt động như sinh viên không thay đổi liều, hoặc thay đổi thuốc khi ốm cũng như không tự ý mua thuốc. Thực hành thuốc tốt trong nghiên cứu là 194 (67,6%) sinh viên.

Bảng 3. Thực hành sử dụng kháng sinh của sinh viên Y và lý do mua kháng sinh không theo đơn bác sĩ (n = 287)

Thực hành	Số sinh viên	Tỉ lệ (%)
Thay đổi liều trong quá trình sử dụng	48	16,7%
Thay đổi thuốc trong quá trình sử dụng	63	22,0%
Tự mua kháng sinh (không theo đơn bác sĩ)	93	32,4%
Lý do mua kháng sinh không đơn (n = 93)		
Đau đầu	54	58,1%
Sốt	74	79,6%
Ho	93	100,0%
Cảm cúm	74	79,6%
Đau cơ (thân mình)	19	20,4%
Dị ứng	39	41,9%
Đau bụng, nôn, bệnh đường tiêu hóa	25	26,9%

Trong nghiên cứu, vẫn còn tỉ lệ không nhỏ sinh viên tự thay đổi liều và thay đổi thuốc trong quá trình sử dụng, tỉ lệ tự mua kháng sinh mà không có đơn kê của bác sĩ là 32,4%. Các triệu chứng sinh viên thường tự dùng thuốc để chữa như ho (100%), cảm cúm và sốt (79,6%), đau đầu (58,1%).

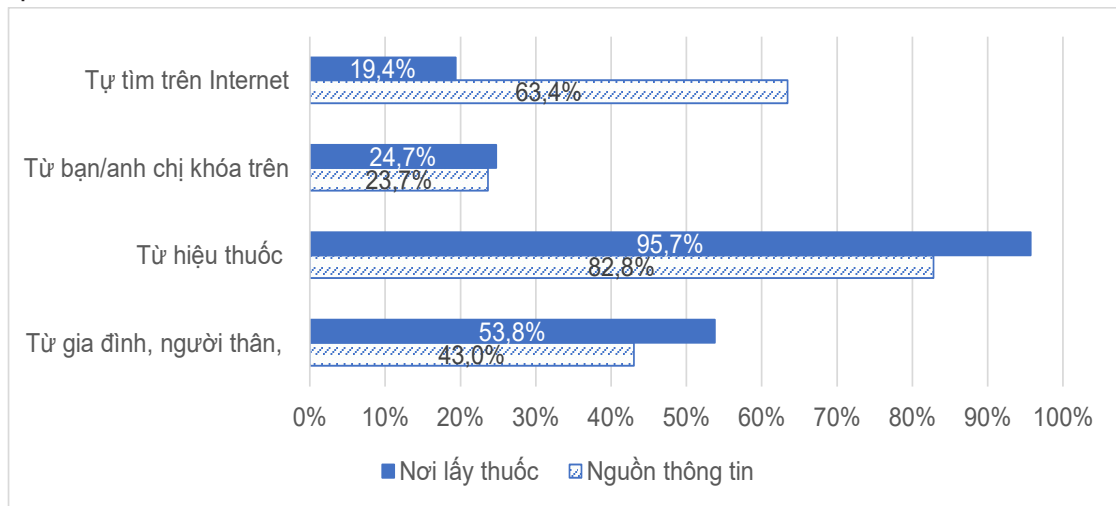
Bảng 4 phân tích hồi quy đơn biến cho kết quả: sinh viên từ năm ba trở lên; học lực năm gần nhất khá và giỏi có kiến thức tốt hơn; sinh viên là nữ và học ngành Bác sĩ Y học dự phòng xu hướng có thực hành sử dụng thuốc tốt hơn. Đáng lưu ý, sinh viên có năm học càng cao, càng có xu hướng tự kê đơn và mua kháng sinh. Tương tự, những sinh viên ở kí túc xá có xu hướng tự mua kháng sinh cao hơn những sinh viên ở trọ ngoài kí túc xá và ở với gia đình (OR = 0,32; 95%CI từ 0,15 – 0,65; p < 0,01), tuy nhiên kết quả này cần được kiểm chứng trên cỡ mẫu lớn hơn.

Bảng 4. Phân tích hồi quy đơn biến các yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của sinh viên

Yếu tố	Kiến thức tốt (n = 205) OR (95%CI)	Thực hành tốt (n = 194) OR (95%CI)
Giới tính		
Nam	75 (36,5%) -	50 (25,7%) -
Nữ	130 (63,4%) 1,10 (0,65 - 1,87)	144 (74,2%) 4,56 (2,69 - 7,72)**
Năm học		
Năm thứ hai	42 (20,4%) -	72 (37,1%) -
Năm thứ ba	67 (32,6%) 3,54 (1,80 - 6,97)**	60 (30,9%) 0,33 (0,14 - 0,74)**
Năm thứ tư	67 (32,6%) 4,32 (1,97 - 9,47)**	33 (17,0%) 0,16 (0,07 - 0,37)**
Năm thứ năm	50 (24,3%) 3,36 (1,58 - 7,15)*	29 (14,9%) 0,13 (0,05 - 0,30)*
Ngành học		
Bác sĩ đa khoa/RHM	99 (48,2%) -	85 (43,8%) -
Bác sĩ Y học dự phòng	106 (51,7%) 1,67 (0,99 - 2,81)	109 (56,1%) 2,83 (1,67 - 4,77)*
Học lực năm trước		
Trung bình	49 (23,9%) -	54 (27,8%) -
Khá	132 (64,3%) 2,36 (1,35 - 4,11)**	120 (61,8%) 1,29 (0,75 - 2,24)
Giỏi	24 (11,7%) 3,52 (1,22 - 10,1)*	20 (10,3%) 1,27 (0,51 - 3,14)
Nơi ở		
Tại gia đình	59 (28,7%) -	62 (31,9%) -
Nhà trọ ngoài kí túc xá	104 (50,7%) 0,98 (0,54 - 1,80)	102 (52,5%) 0,76 (0,41 - 1,41)
Kí túc xá	42 (20,4%) 0,90 (0,43 - 1,89)	30 (15,4%) 0,32 (0,15 - 0,65)**
* <i>p</i> < 0,05	** <i>p</i> < 0,01	

Biểu đồ 1 cho thấy sinh viên khi tự mua kháng sinh thường tìm hiểu thông tin chủ yếu qua người bán thuốc tại nhà thuốc và qua Internet. Có tới 63,4% sinh viên thường tìm hiểu thông tin về kháng

sinh từ Internet, và 19,4% đã từng mua thuốc qua kênh Internet. Nguồn mua thuốc kháng sinh chủ yếu hầu hết sinh viên chọn là nhà thuốc bán lẻ, tiếp đến là sử dụng lại thuốc có sẵn trong gia đình và bạn bè.



Biểu đồ 1. Nguồn thông tin và nơi mua thuốc khi sinh viên tự mua kháng sinh (n = 93)

IV. BÀN LUẬN

Một số nghiên cứu đã báo cáo tỷ lệ tự sử dụng thuốc kháng sinh ở sinh viên y khoa với kết quả khác nhau. Tỷ lệ tự mua và sử dụng thuốc kháng sinh trong nghiên cứu của chúng tôi (32,4%) tương tự kết quả nghiên cứu trên 572 sinh viên tại Pakistan (35,2%)⁵ và nghiên cứu trên sinh viên Y Trường Cao đẳng Y tế Kasturba, Manipal (39%).⁸ Những lí do trong việc đi khám và việc tự kê thuốc ở các bác sĩ tương lai rất nhiều và phức tạp,¹¹ chẳng hạn như áp lực thời gian học tập và làm việc, bản chất kỳ thị về bệnh tật, lo lắng sẽ làm phiền hoặc làm bạn bè thất vọng, sợ thể hiện sự yếu đuối hoặc thiếu kiến thức y khoa.¹² Ho, cảm cúm, sốt và đau đầu là những triệu chứng chính khi sinh viên tìm đến kháng sinh, tương tự các nghiên cứu khác,^{5,6,8,9} việc tự đánh giá bệnh nhẹ cũng là lý do chính của việc tự kê đơn.^{5,6,9} Khi đánh giá về kiến thức của sinh viên, phần lớn đã biết tác dụng của thuốc, tác dụng phụ cũng như nhận thức về kháng kháng sinh. Nghiên cứu trên 150 sinh viên năm hai Đại học Y Jawaharlal Nehru, Ấn Độ cho thấy có tới 63,4% không biết

về tác dụng phụ của thuốc và 13,8% đã tự kê đơn kháng sinh để sử dụng.¹³ Nghiên cứu tại Trường cao đẳng Y bệnh viện Saveetha chỉ ra 63% sinh viên Nha khoa không biết thuật ngữ kháng kháng sinh; 26% biết rằng kháng sinh điều trị nhiễm vi khuẩn; 75% sinh viên trả lời rằng kháng sinh sẽ luôn giữ tác dụng cho cùng một bệnh nhiễm trùng trong tương lai; và 68% thấy đủ tự tin trong việc tự điều trị bằng kháng sinh cho bản thân.¹⁴

Sinh viên năm học càng cao, kiến thức về thuốc kháng sinh càng tốt,^{6,8} tương tự trong nghiên cứu của chúng tôi qua phân tích. Tuy vậy, nghiên cứu cũng chỉ ra, sinh viên năm học càng cao, tỉ lệ tự ý mua và sử dụng kháng sinh càng tăng. Điều này có thể thấy sự chủ quan trong của sinh viên. Kết quả cũng chỉ ra nữ sinh viên có xu hướng tốt hơn về thái độ và thực hành sử dụng thuốc kháng sinh, mặc dù trong các nghiên cứu khác không có sự khác biệt giữa giới.^{7,8} Nghiên cứu cũng phát hiện ra ngành sinh viên bác sĩ Y học dự phòng có thái độ, thực hành tốt hơn sinh viên bác sĩ Đa khoa

và Răng hàm mặt, dù kiến thức không khác nhau. Đáng lưu ý, sinh viên ở kí túc xá có khả năng tự ý mua thuốc kháng sinh hơn. Việc có sẵn các nhà thuốc quanh trường Đại học Y Hà Nội, dễ dàng tiếp cận kháng sinh không đơn cũng giải thích cho hiện tượng này cũng như 95,7% sinh viên lấy thuốc từ nhà thuốc tự. Bên cạnh đó, Internet thường được nhắc đến là nguồn thông tin chính cho sinh viên,⁸ và trong nghiên cứu 12,5% sinh viên đồng ý sách Dược lý đã dạy đủ. Từ đó cần có các bài học bổ sung kiến thức và thực hành về sử dụng kháng sinh cho sinh viên Y Hà Nội.

Hạn chế của nghiên cứu là mới thực hiện trên một cỡ mẫu tương đối nhỏ sinh viên hệ bác sỹ nên kết quả mới chỉ dừng ở mức phản ánh kiến thức và thực hành về sử dụng thuốc của nhóm sinh viên này mà chưa thể khái quát cho quần thể sinh viên y của trường. Do vậy trong tương lai cần phát triển các nghiên cứu được tiến hành trên cỡ mẫu lớn hơn, và có thể tại nhiều trường y trên toàn quốc để có được bức tranh tổng thể về kiến thức và thực hành về sử dụng thuốc của sinh viên y khoa tại Việt Nam.

IV. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 287 sinh viên Đại học Y Hà Nội cho thấy tỉ lệ kiến thức tốt về kháng sinh là 71,4%, và thực hành tốt là 67,6%. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức thực hành sử dụng kháng sinh bao gồm: Sinh viên từ năm ba trở lên; học lực năm gần nhất Khá và Giỏi có kiến thức tốt hơn; sinh viên là nữ và học ngành Bác sĩ Y học dự phòng xu hướng có thực hành thuốc tốt hơn. Sinh viên có năm học càng cao và ở trọ ngoài ký túc xá có xu hướng tự kê đơn và mua kháng sinh. Cần lồng ghép việc bổ sung kiến thức sử dụng thuốc kháng sinh trong chương trình giảng dạy hiện tại cho sinh viên, phát triển các chương trình tập huấn cho sinh viên về sử dụng thuốc kháng sinh an toàn hợp lý, góp phần giảm tỉ lệ kháng thuốc trong cộng

đồng. Bên cạnh đó các cấp quản lý hành nghề được cần có giải pháp quản lí, giám sát việc bán thuốc kê đơn tại các nhà thuốc, hiệu thuốc và trên mạng internet.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Antimicrobial resistance: global report on surveillance 2014. World Health Organization; 2014. <http://www.who.int/drugresistance/documents/surveillancereport/en/>. Accessed September 27, 2019.
2. Antibiotic resistance. World Health Organization; 2018. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/antibiotic-resistance>. Accessed September 27, 2019.
3. Song J - H, Jung S - I, Ko KS, et al. High prevalence of antimicrobial resistance among clinical Streptococcus pneumoniae isolates in Asia (an ANSORP study). *Antimicrob Agents Chemother*. 2004;48(6):2101 - 2107. doi:10.1128/AAC.48.6.2101 - 2107.2004
4. Nguyễn Văn Kính, Lương Ngọc Khuê, Trương Quốc Cường, Lý Ngọc Kính, Ngô Thị Bích Hà. Phân tích thực trạng: Sử dụng kháng sinh và kháng kháng sinh ở Việt Nam. GARP - Nhóm nghiên cứu Quốc gia của Việt Nam. *Center for Disease Dynamics, Economics & Policy*. 2010.
5. Zafar SN, Syed R, Waqar S, Zubairi AJ, Waqar T, Shaikh M. Self - medication amongst university students of Karachi: prevalence, knowledge and attitudes. *J Pak Med Assoc*. 2008;58(4):214 - 217.
6. Sontakke SD, Bajait CS, Pimpalkhute SA, Jaiswal KM, Jaiswal SR. Comparative study of evaluation of self - medication practices in first and third year medical students. *Int J Biol Med Res*. 2011;2(2):561 - 564.
7. Abay SM, Amelo W. Assessment of self - medication practices among medical, pharmacy, and health science students in Gondar university, ethiopia. *J Young Pharm*

JYP. 2010;2(3):306 - 310. doi:10.4103/0975 - 1483.66798

8. Kumar N, Kanchan T, Unnikrishnan B, et al. Perceptions and practices of self - medication among medical students in coastal South India. *PLoS One*. 2013;8(8):e72247 - e72247. doi:10.1371/journal.pone.0072247

9. Alkhatatbeh MJ, Alefan Q, Alqudah MA. High prevalence of self - medication practices among medical and pharmacy students: a study from Jordan. *Int J Clin Pharmacol Ther*. 2016;54(5):390 - 398. doi:10.5414/CP202451.

10. Phạm Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Hoài Thu. Thực trạng sử dụng kháng sinh cho trẻ dưới 5 tuổi của bà mẹ tại phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Hà Nội năm 2017. *Tạp chí Y Học Thực Hành*. 2017;1051(7):78 - 81.

11. Tyssen R, Røvik JO, Vaglum P, Grønvold NT, Ekeberg Ø. Help - seeking for mental health problems among young physicians: is

it the most ill that seeks help? *Soc Psychiatry Psychiatr Epidemiol*. 2004;39(12):989 - 993. doi:10.1007/s00127 - 004 - 0831 - 8

12. Thompson WT, Cupples ME, Sibbett CH, Skan DI, Bradley T. Challenge of culture, conscience, and contract to general practitioners' care of their own health: qualitative study. *BMJ*. 2001;323(7315):728 - 731. doi:10.1136/bmj.323.7315.728

13. Johny S, Torgal S, Mathew A. Assessment of Knowledge, Attitude and Practice of Self - medication among Second Year MBBác sĩ Students. *Indian Journal of Pharm Pharmacol*. 2017;4:42 - 44. doi:10.18231/2393 - 9087.2017.0011

14. Indhulekha Vimalakshan, Anirudha Kabilan, M. P. Santhosh Kumar. Self - medication with antibiotics among dental undergraduate students. *Drug Invent Today*. 2018; 10(8): 1335 - 1339.

Summary

KNOWLEDGE AND PRACTICE IN ANTIBIOTIC USE AMONG MEDICAL STUDENTS OF HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN 2019

The cross-sectional study was conducted on 287 medical students to assess knowledge and practices of antibiotic use by students of Hanoi Medical University in 2019. The results showed that over 30% of participated students bought and used antibiotics without prescription. The percentage of right knowledge about antibiotics was 71.4% and good practice was 67.6%. Multivariate regression analysis demonstrated that third year students with good academic performance have better knowledge of antibiotics use. Senior student living in dormitories tend to report self-prescription. There should be a training program to provide students with instruction on rational use of antibiotics, contributing to curb antibiotic resistance in the community.

Keywords: knowledge, practice, self-medication, antibiotics, medical students.